

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TH-THCS INSCHOOL BẾN CÁT

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

NĂM HỌC 2024-2025

Trường TH-THCS Inschool Bến Cát được thành lập theo Quyết định 130/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 của UBND thành phố Bến Cát - Tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: đường N21, KĐT Mega City, phường An Điền, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

1. Thống kê lớp học

I	Số phòng học/số lớp	Số lượng	Bình quân
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	19	
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ, mượn	-	-
III	Số điểm trường lẻ	-	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	6.910	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	
2	Diện tích thư viện (m ²)	107	
3	Diện tích phòng GDTC hoặc nhà đa năng (m ²)	-	-
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	56	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	65	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	38	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	-	-
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	84	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp 1	3	3bộ/ lớp
1.2	Khối lớp 2	2	2bộ/ lớp
1.3	Khối lớp 3	1	1bộ/ lớp
1.4	Khối lớp 4	1	1bộ/ lớp
1.5	Khối lớp 5	1	1bộ/ lớp
1.6	Khối lớp 6	1	1bộ/ lớp
1.7	Khối lớp 7	1	1bộ/ lớp
1.8	Khối lớp 8		
1.9	Khối lớp 9		
1.10	Khối lớp 10		
1.11	Khối lớp 11		
1.12	Khối lớp 12		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
2.6	Khối lớp 6	0	
2.7	Khối lớp 7	0	
2.8	Khối lớp 8	0	
2.9	Khối lớp 9	0	
2.10	Khối lớp 10	0	
2.11	Khối lớp 11	0	
2.12	Khối lớp 12	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Tivi	20	1/1

2	Cassette	-	-
3	Đầu Video/đầu đĩa	-	-
4	Máy chiếu Overhead/Projector/vật thể	-	-
5	Laptop	5	-
6	Thiết bị khác		

	Nội dung	Số lượng
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	1

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ		Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bản trú	-	-	-	-	-
XIII	Khu nội trú	-	-	-	-	-
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	3	4	4	-	-
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	-	-	-	-

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	✓	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	✓	
XVII	Kết nối Internet	✓	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	✓	
XIX	Tường rào xây	✓	

Bến Cát, ngày 30 tháng 06 năm 2025



Nguyễn Thị Hương Giang

